

Số: 101/TB-HĐTD

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả Vòng 2 kỳ thi tuyển dụng công chức
Kiểm toán nhà nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-KTNN ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ kết quả thi của các thí sinh, Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước thông báo kết quả Vòng 2 kỳ thi tuyển công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023 (theo danh sách đính kèm).

Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước nhận đơn của các thí sinh đề nghị phúc khảo từ ngày 13/10/2023 đến hết ngày 27/10/2023 (riêng đối với thí sinh gửi đơn qua đường bưu điện thời gian tính theo dấu bưu điện). Đơn đề nghị phúc khảo gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Kiểm toán nhà nước số 116 Nguyễn Chánh, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Tổng KTNN (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Tuấn Anh;
- Các thành viên HĐTD;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Cổng Thông tin điện tử KTNN;
- Lưu: VT, TCCB; HĐTD (03).

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
Nguyễn Tuấn Anh

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ DỰ THI VÒNG 2

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
1	Nguyễn Hoàng Bảo An	25/8/2001	Kinh	0001	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			26	26
2	Dương Quỳnh Anh	26/10/1997	Kinh	0002	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			2	2
3	Lê Hải Anh	23/7/2000	Kinh	0003	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			30	30
4	Lê Khải Anh	1/11/1999	Kinh	0004	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực IX			34	34
5	Mai Duy Anh	22/6/1995	Kinh	0005	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			31	31
6	Mai Kiều Anh	05/8/1996	Kinh	0006	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			4	4
7	Nguyễn Hữu Duy Anh	24/8/1998	Kinh	0007	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			13.5	13.5
8	Nguyễn Đức Anh	31/3/1993	Kinh	0008	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			50	50
9	Nguyễn Đình Lan Anh	05/9/2001	Kinh	0009	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			25	25
10	Nguyễn Nam Anh	2/18/1998	Kinh	0010	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			52	52
11	Nguyễn Thị Tường Anh	06/3/2000	Kinh	0011	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			22	22
12	Phạm Bùi Cẩm Anh	10/9/1994	Kinh	0012	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			64.5	64.5
13	Phan Thế Anh	2/9/1997	Kinh	0013	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			68	68
14	Trần Thị Hồng Bích	10/12/1995	Kinh	0014	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			38	38
15	Nguyễn Hải Bình	2/8/1995	Kinh	0015	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế			70	70



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
16	Nguyễn Hoàng Linh Chi	1/10/1997	Kinh	0016	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			32	32
17	Phạm Ngọc Lan Chi	27/11/2001	Kinh	0017	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			37	37
18	Phạm Việt Cường	17/9/1999	Kinh	0018	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			29	29
19	Trần Minh Cường	20/9/1996	Kinh	0019	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			27	27
20	Đào Thị Diễm	26/12/1996	Kinh	0020	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			17.5	17.5
21	Mai Thùy Dung	04/3/1997	Kinh	0021	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			31	31
22	Nguyễn Thị Phương Dung	22/10/2000	Kinh	0022	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			11.5	11.5
23	Vũ Thùy Dung	15/01/2000	Kinh	0023	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			10	10
24	Lê Quang Dũng	07/10/2001	Kinh	0024	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			18	18
25	Nguyễn Thị Dương	08/4/1987	Kinh	0025	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			22	22
26	Trần Lê Thùy Dương	14/11/2000	Kinh	0026	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			28	28
27	Tán Anh Đa	14/8/1998	Kinh	0027	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			31	31
28	Ngô Minh Đạt	1/22/1999	Kinh	0028	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			68	68
29	Nguyễn Thành Đạt	13/10/2000	Kinh	0029	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			33	33
30	Nguyễn Gia Đôn	01/7/1999	Kinh	0030	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			66	66
31	Dương Khắc Đông	15/10/1994	Kinh	0031	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			51	51
32	Trần Minh Đức	1/28/1996	Kinh	0032	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			51	51
33	Lê Hoàng Giang	01/8/1992	Kinh	0033	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII			51	51
34	Lê Hương Giang	23/7/2000	Kinh	0034	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			25.5	25.5

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
35	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13/12/1990	Kinh	0035	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			30.5	30.5
36	Nguyễn Thị Hà Giang	12/3/2000	Kinh	0036	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			31.5	31.5
37	Phạm Trường Giang	1/3/2000	Kinh	0037	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			30	30
38	Hoàng Hà	28/5/1998	Kinh	0038	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT			28	28
39	Lê Ngân Hà	1/23/1999	Kinh	0039	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			32	32
40	Trần Việt Hà	08/7/2000	Kinh	0040	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			69	69
41	Nguyễn Ngọc Hải	15/6/1993	Kinh	0041	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	Con Bệnh binh	5	57	62
42	Nguyễn Thị Ngọc Hải	24/4/2000	Kinh	0042	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			34	34
43	Nguyễn Anh Hào	1/26/1989	Kinh	0043	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			41	41
44	Nguyễn Thu Hằng	29/7/1993	Kinh	0044	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			62	62
45	Đặng Thị Thu Hiền	20/10/1996	Kinh	0045	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			36.5	36.5
46	Bùi Trung Hiếu	31/7/1997	Kinh	0046	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			28.5	28.5
47	Vũ Minh Hiếu	12/6/1997	Kinh	0047	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			28	28
48	Nguyễn Anh Hoàng	04/9/1990	Kinh	0048	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			29.5	29.5
49	Nguyễn Minh Hoàng	05/7/2000	Kinh	0049	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT			18	18
50	Nguyễn Việt Hoàng	1/18/1999	Kinh	0050	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			12	12
51	Vũ Tuyên Hoàng	2/1/1993	Kinh	0051	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			7	7
52	Nguyễn Đức Đình Huân	15/01/1988	Kinh	0052	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII			51	51
53	Đào Hùng	10/26/2000	Kinh	0053	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			34	34

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
54	Đào Huy Hùng	1/10/2000	Kinh	0054	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			25	25
55	Nguyễn Mạnh Hùng	12/3/2000	Kinh	0055	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			50	50
56	Nguyễn Tuấn Hùng	28/9/1999	Kinh	0056	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII			51	51
57	Trần Nguyên Hùng	14/7/1995	Kinh	0057	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			32.5	32.5
58	Trịnh Thanh Hùng	18/5/1993	Kinh	0058	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			40.5	40.5
59	Phạm Quốc Huy	1/6/1992	Kinh	0059	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			61.5	61.5
60	Huỳnh Thị Kiều Huyền	01/3/1989	Kinh	0060	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			55	55
61	Vũ Phương Huyền	19/9/1998	Kinh	0061	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			0	0
62	Khổng Việt Hưng	23/01/2000	Kinh	0062	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			50	50
63	Trần Hoài Hưng	20/7/1991	Kinh	0063	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			25	25
64	Bùi Thu Hương	05/10/1990	Mường	0064	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	Dân tộc thiểu số	5	15	20
65	Mai Thị Thanh Hương	22/12/1999	Kinh	0065	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			50	50
66	Phạm Thu Hương	1/2/1993	Kinh	0066	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			42	42
67	Lưu Thúy Hường	03/01/1998	Kinh	0067	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			26	26
68	Trần Xuân Hữu	15/8/1995	Kinh	0068	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			30	30
69	Phan Nhật Khánh	08/7/1999	Kinh	0069	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			60	60
70	Nguyễn Nam Khoa	16/9/1995	Kinh	0070	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			0	0
71	Hoàng Minh Khuê	03/10/1999	Kinh	0071	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			58	58
72	Lê Trung Kiên	06/5/1995	Kinh	0072	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			31	31

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
73	Nguyễn Thị Hồng Lam	25/02/1998	Kinh	0073	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			50	50
74	Đào Thị Lành	19/9/1988	Kinh	0074	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII			15	15
75	Đặng Tùng Lâm	19/10/1995	Kinh	0075	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			26.5	26.5
76	Trần Quang Lâm	29/9/2001	Kinh	0076	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			53	53
77	Trịnh Khánh Linh	16/11/1994	Kinh	0077	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			29	29
78	Trịnh Khánh Linh	29/9/2000	Kinh	0078	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế	Con Thương binh	5	38	43
79	Cao Thành Long	01/12/1994	Kinh	0079	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			26	26
80	Nguyễn Hoàng Long	1/21/2001	Kinh	0080	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			60	60
81	Nguyễn Đức Lương	07/9/2000	Kinh	0081	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			30	30
82	Đặng Quỳnh Mai	13/9/1991	Kinh	0082	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế			32	32
83	Trần Thị Hoàng Mai	14/11/2000	Kinh	0083	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			21.5	21.5
84	Trần Thị Phương Mai	2/23/2000	Kinh	0084	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			28.5	28.5
85	Lý Đức Mạnh	2/27/1999	Kinh	0085	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			21	21
86	Nguyễn Đình Mạnh	12/8/1990	Kinh	0086	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			38	38
87	Phạm Nhật Minh	27/10/1996	Kinh	0087	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			34	34
88	Nguyễn Thị Trà My	09/10/1995	Kinh	0088	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			51	51
89	Phan Nguyễn Thiện Mỹ	03/10/1995	Kinh	0089	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			51	51
90	Đào Văn Nam	20/9/1997	Kinh	0090	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			27	27

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
91	Đỗ Thị Phương Nam	14/12/1989	Kinh	0091	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			41	41
92	Hoàng Hoài Nam	12/7/1992	Kinh	0092	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			51	51
93	Nguyễn Đình Nam	28/11/1993	Kinh	0093	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			36	36
94	Nguyễn Ngô Phương Nam	18/5/1991	Kinh	0094	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực IX			51	51
95	Nguyễn Việt Nam	31/8/2000	Kinh	0095	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			54	54
96	Lê Mỹ Nga	03/12/2001	Kinh	0096	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			26.5	26.5
97	Đào Mạnh Nghĩa	12/8/1998	Kinh	0097	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			53	53
98	Nguyễn Đăng Nghĩa	08/3/1997	Kinh	0098	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			40	40
99	Trần Trọng Nghĩa	13/8/1991	Kinh	0099	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			30	30
100	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01/10/1999	Kinh	0100	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			13.5	13.5
101	Nguyễn Phạm Tây Nguyên	26/12/1997	Kinh	0101	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			41	41
102	Đoàn Trần Trọng Nhân	1/26/1998	Kinh	0102	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			68	68
103	Nguyễn Đức Nhật	20/10/2000	Kinh	0103	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			39	39
104	Hồ Thị Ý Nhi	12/4/1997	Kinh	0104	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			9	9
105	Đỗ Hồng Nhung	29/11/1999	Kinh	0105	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			43	43
106	Nguyễn Hiền Ninh	20/7/1999	Kinh	0106	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			54	54
107	Thiều Quang Phát	12/5/2001	Kinh	0107	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			50	50
108	Lê Duy Phú	05/11/1993	Kinh	0108	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			26.5	26.5
109	Hà Mai Phương	15/5/1996	Kinh	0109	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			25.5	25.5

41



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
110	Hồ Thu Phương	20/12/1999	Kinh	0110	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			31.5	31.5
111	Trần Thu Phương	12/19/1990	Kinh	0111	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT			34	34
112	Lại Đăng Quang	08/7/2000	Kinh	0112	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			19	19
113	Nguyễn Tiến Quang	23/12/2001	Kinh	0113	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			42	42
114	Trần Minh Quốc	2/4/1992	Hán	0114	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	Dân tộc thiểu số	5	37	42
115	Dương Hoàng Sơn	07/9/1999	Kinh	0115	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			20	20
116	Nguyễn Hồng Sơn	03/8/2000	Kinh	0116	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			22	22
117	Lưu Vĩnh Tâm	28/8/1994	Kinh	0117	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			69	69
118	Nguyễn Thị Tâm	1/9/1991	Kinh	0118	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			27	27
119	Vũ Ngọc Thành	23/10/1991	Kinh	0119	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			14.5	14.5
120	Đỗ Phương Thảo	2/4/2000	Kinh	0120	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT			39	39
121	Hồ Minh Thảo	07/12/1999	Kinh	0121	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			8	8
122	Bùi Đức Thắng	27/5/1996	Mường	0122	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	Dân tộc thiểu số	5	55	60
123	Nông Đức Thắng	10/5/1995	Tày	0123	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	Dân tộc thiểu số	5	39.5	44.5
124	Nguyễn Thị Thơm	2/20/1992	Kinh	0124	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			50.5	50.5
125	Vũ Bá Thức	23/9/1992	Kinh	0125	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			60	60
126	Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	Kinh	0126	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			20	20
127	Nguyễn Võ Tiến	14/7/1997	Kinh	0127	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII			50.5	50.5
128	Phạm Quốc Toàn	02/3/1999	Kinh	0128	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT			70	70

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
129	Hoàng Thị Thu Trang	12/27/1999	Kinh	0129	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			22	22
130	Lê Thị Đào Trang	12/10/1992	Kinh	0130	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			0	0
131	Mai Thị Hà Trang	1/5/1999	Kinh	0131	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			29	29
132	Trần Thị Kiều Trang	25/6/1989	Kinh	0132	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực V			41	41
133	Ngô Minh Trí	10/6/2001	Kinh	0133	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII			29.5	29.5
134	Đặng Quang Trung	14/3/1996	Kinh	0134	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	Con Bệnh binh	5	35	40
135	Võ Ngọc Tú	2/19/1990	Kinh	0135	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			36.5	36.5
136	Nguyễn Anh Tuấn	01/5/1996	Kinh	0136	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III			25.5	25.5
137	Phùng Minh Tuấn	06/7/1998	Kinh	0137	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			31	31
138	Phạm Thanh Tùng	2/25/1994	Kinh	0138	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			50	50
139	Tạ Tương Tùng	8/29/1999	Kinh	0139	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI			26	26
140	Phạm Công Tuyền	12/16/2000	Kinh	0140	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			42	42
141	Trần Hà Vi	06/12/2000	Kinh	0141	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp			50	50
142	Ngô Quốc Việt	29/8/1997	Kinh	0142	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			41	41
143	Trịnh Xuân Việt	01/4/1996	Kinh	0143	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I			36.5	36.5
144	Chu Bá Vinh	15/11/2000	Kinh	0144	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			24	24
145	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	27/4/1998	Kinh	0145	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			16	16
146	Phan Huy Vũ	05/9/2000	Kinh	0146	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV			50	50
147	Nguyễn Đăng Vụ	20/4/1992	Kinh	0147	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II			31	31

70

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
148	Hoàng Thị Yến	03/4/1995	Kinh	0148	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib			46.5	46.5
149	Nguyễn Thị Thu An	10/3/1997	Kinh	0149	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II			26	26
150	Lê Công Tuấn Anh	06/9/1994	Kinh	0150	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế			10	10
151	Nguyễn Hữu Bình	11/19/1997	Kinh	0151	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp			24.5	24.5
152	Nguyễn Chiến	10/5/1992	Kinh	0152	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib			39	39
153	Lê Cường	25/5/1992	Kinh	0153	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	Con Thương binh	5	35	40
154	Phạm Văn Điền	11/3/1990	Kinh	0154	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II	Con Thương binh	5	37	42
155	Nguyễn Thị Phương Giang	08/3/1998	Kinh	0155	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp			15	15
156	Nguyễn Văn Hải	09/12/1992	Kinh	0156	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			32	32
157	Phạm Tuyên Huân	13/12/1990	Kinh	0157	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			39	39
158	Mạc Thị Hồng Huệ	05/12/1996	Kinh	0158	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế			35	35
159	Khuất Diệu Huyền	16/9/1998	Kinh	0159	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp			45	45
160	Trần Trung Kiên	08/6/1987	Kinh	0160	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			55	55

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
161	Nguyễn Thanh Lân	20/6/1993	Kinh	0161	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			26	26
162	Ngô Yến Linh	07/3/2000	Kinh	0162	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			54.5	54.5
163	Hoàng Duy Long	03/8/2000	Kinh	0163	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực I			25.5	25.5
164	Lại Văn Nam	05/10/1998	Kinh	0164	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			36.5	36.5
165	Lê Thị Mỹ Nhung	24/12/1988	Kinh	0165	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			28.5	28.5
166	Hoàng Hải Ninh	13/11/1999	Kinh	0166	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			29.5	29.5
167	Cao Trần Thúy Phương	19/9/1992	Kinh	0167	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			21	21
168	Vũ Quân	08/4/1998	Kinh	0168	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			53	53
169	Lê Trọng Tạo	04/8/1991	Kinh	0169	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực XII			61.5	61.5
170	Nguyễn Chiến Thắng	22/3/1992	Kinh	0170	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI			50.5	50.5
171	Tạ Văn Thi	23/9/1991	Kinh	0171	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib			23.5	23.5
172	Trần Quốc Thịnh	10/7/1994	Kinh	0172	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực XII			20	20

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
173	Bùi Thu Trang	28/3/1993	Kinh	0173	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II			38	38
174	Lê Văn Trinh	01/10/1992	Kinh	0174	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III			16	16
175	Nguyễn Đức Tùng	20/6/1993	Nùng	0175	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib	Dân tộc thiểu số; Con Thương binh	5	17.5	22.5
176	Nguyễn Hữu Việt	28/6/1990	Kinh	0176	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế			51	51
177	Trần Thị Ngọc Ánh	10/14/1996	Kinh	0177	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế			27	27
178	Lê Minh Hằng	13/3/1997	Mường	0178	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	Dân tộc thiểu số	5	50.75	55.75
179	Nguyễn Thị Tú Khang	2/2/1997	Kinh	0179	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế			33	33
180	Nguyễn Ánh Linh	05/11/1997	Kinh	0180	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực VI			50.5	50.5
181	Phan Tấn Lộc	23/9/1996	Kinh	0181	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực IV			19	19
182	Nguyễn Khánh Ly	19/3/1997	Kinh	0182	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế			41	41
183	Hoàng Minh Quân	02/6/2000	Kinh	0183	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực VI			50.5	50.5
184	Vũ Thị Phương Anh	05/5/2001	Kinh	0184	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III			35	35
185	Đặng Vũ Quý Đắc	28/7/1999	Kinh	0185	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III			65	65
186	Đinh Thị Hà	10/1/1990	Kinh	0186	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II			55	55
187	Chu Trọng Hiệp	10/9/1990	Kinh	0187	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI			50	50
188	Vũ Huy Huân	30/9/2000	Kinh	0188	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III			55	55

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm
189	Vũ Trường Huy	09/4/2001	Kinh	0189	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II			65	65
190	Đỗ Ngọc Linh	21/9/1998	Kinh	0190	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II			50	50
191	Tăng Thị Kiều Loan	12/8/1994	Kinh	0191	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI			55	55
192	Nguyễn Minh Ngọc	23/9/1992	Kinh	0192	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III			55	55
193	Tô Duy Tiến	15/8/1993	Kinh	0193	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III			35	35
194	Bùi Anh Tuấn	22/8/1997	Kinh	0194	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI			60	60
195	Lê Nguyễn Duy Long	16/3/2000	Kinh	0195	08	Công nghệ thông tin	Khu vực V			25	25
196	Nguyễn Duy Vương	1/14/1990	Kinh	0196	08	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành II			0	0